

Số: 301 /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày 27 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO

Đánh giá hiện trạng công trình đê, kè, cống trước lũ 2017

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

Thực hiện công văn số 347/SNN&PTNT-ĐĐ ngày 10/2/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa về việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ và xây dựng phương án hộ đê năm 2017.

UBND huyện Triệu Sơn đã tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng các công trình đê điều trước lũ năm 2017 và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm với các nội dung cụ thể sau:

I. Phần khái quát

Huyện Triệu Sơn là một huyện bán sơn địa có diện tích 292,2km², nhưng diện tích chủ yếu vẫn là đồng bằng, địa hình thấp dần về phía Bắc với 2 con sông là sông Hoàng và sông Nhom. Phía Đông giáp huyện Đông Sơn, phía Đông Nam giáp huyện Nông Cống, phía Nam giáp huyện Như Thanh, phía Tây Nam giáp huyện Thường Xuân, phía Tây Bắc giáp huyện Thọ Xuân, phía Đông Bắc giáp huyện Thiệu Hóa. Dân số cả huyện là 203,3 nghìn người (gồm 3 dân tộc: Kinh, Mường, Thái).

Tổng số đê hiện có trên địa bàn huyện là: 90,7km (đê cấp IV) gồm:

- Đê sông Nhom: 37,54km (Gồm 9 xã: Thọ Tiến, Xuân Thọ, Thọ Tân, Minh Sơn, Hợp Thắng, An Nông, Vân Sơn, Thái Hòa, Tân Ninh).

- Đê sông Hoàng: 37,50km (Gồm 9 xã: Thọ Ngọc, Xuân Lộc, Xuân Thịnh, Dân Quyền, Dân Lý, Tiến Nông, Khuyến Nông, Đồng Tiến, Đồng Thắng).

- Đê Nỗ Hên: 6,56km (Thuộc hệ thống sông Hoàng Gồm 2 xã: Đồng Lợi, Tân Ninh).

- Đê vùng: 9,10km (Gồm 3 xã: Tân Ninh, Thái Hòa, Thọ Cường).

II. Phần đánh giá hiện trạng công trình trước lũ: (Có phụ lục kèm theo).

III. Xác định các trọng điểm xung yếu và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm:

1. Về đê:

Những đoạn đê có nguy cơ vỡ và tràn khi có mưa lũ lớn:

a) Đê tả sông Nhom:

- Đoạn đê thuộc xã Minh Sơn dài 1.300m (đê thấp chưa đủ mặt cắt ngang).

- Đoạn đê xã An Nông dài 250m (đê sát Sông bị sạt lở).

- Đoạn đê xã Vân Sơn dài 150m (đê sát Sông bị sạt lở).

- Đoạn đê xã Thái Hòa giáp Tân Ninh dài 500m đê nhỏ, thấp.

- Đoạn đê xã Tân Ninh dài 700m đê thấp, yếu đi qua nhiều ao sâu.

(Các đoạn đê trên thuộc Dự án tiêu thoát lũ sông Nhom, hiện nay chưa được thực hiện)

b) Đê tả sông Hoàng:

- Đoạn đê xã Xuân Lộc dài 500m (đê thấp).

c) Đê hữu sông Hoàng:

- Đoạn đê xã Dân Quyền giáp xã Dân lý dài 700m đê thấp.

- Đoạn đê xã Dân Lý dài 500m đê thấp. Đoạn đê này thuộc dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng. Dự án dự kiến khởi công xây dựng trong Quý 2/2017.

- Đoạn đê xã Đồng Thắng dài 1.500m đê nhỏ, thấp. Đoạn đê này thuộc dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng. Dự án dự kiến khởi công xây dựng trong Quý 2/2017.

2. Về công tiêu dưới đê:

Những công tiêu có nguy cơ mất an toàn:

- Công Đồng Bớt tả sông Hoàng, xã Dân Quyền

- Công Vện đê hữu sông Hoàng, xã Tiến Nông. Công này thuộc dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng. Dự án dự kiến khởi công xây dựng trong Quý 2/2017.

- Công Đa Tán đê hữu sông Hoàng, xã Khuyến Nông. Công này thuộc dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng. Dự án dự kiến khởi công xây dựng trong Quý 2/2017.

- Công xóm 7 đê tả sông Hoàng, xã Đồng Thắng

- Công Hoàng Đồng 2 đê tả sông Nhom, xã Minh Sơn (Dự án sông Nhom chưa làm)

- Công Ninh Phong đê tả sông Nhom, xã Minh Sơn

- Công Đồng Lốc đê tả sông Nhom, xã An Nông (Dự án sông Nhom chưa làm).

3. Tình huống có thể xảy ra:

Nếu lượng mưa vượt qua 300mm trong thời gian ngắn và mưa vẫn tiếp tục, việc thoát lũ của sông Hoàng, sông Nhom rất chậm, Dự án sông Nhom chưa xong nên nước sông dâng lên rất nhanh uy hiếp các đoạn đê xung yếu trên và có nguy cơ làm vỡ đê.

D. Kế hoạch tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào hiện trạng công trình đê điều trước lũ năm 2017, để chủ động phòng chống lụt bão, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai bão lũ gây ra, trong thời gian tới UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các phòng chức năng, các đơn vị liên quan và UBND các xã thực hiện những nội dung sau:

1. Khẩn trương tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai năm 2016, triển khai phương án phòng, chống thiên tai năm 2017 xong trước ngày 15/5/2017.

2. Kiện toàn bộ máy Ban chỉ huy PCTT và Tìm kiếm cứu nạn từ huyện đến xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị. Phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo Nghị định số 14/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương, Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn các bộ, ngành và địa phương.

3. Hoàn thành khối lượng tu bổ đê, đập, sửa chữa cống, giải phóng hành lang thoát lũ trên các sông tiêu, kênh tiêu, xử lý những trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi.

4. Tổ chức lực lượng, chuẩn bị vật tư, phương tiện, hậu cần đến mức cao nhất theo phương án đã lập để sẵn sàng đối phó khi lụt, bão xảy ra.

5. Lập và triển khai phương án hộ đê, đập PCLB và phương án phòng chống lũ quét, sạt lở đất.

6. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kiến thức, kinh nghiệm về PCLB, lũ cho cộng đồng dân cư để mọi người, mọi nhà chủ động phòng tránh, tự cứu lấy mình trước khi được nhà nước đến cứu.

7. Tổ chức tập huấn PCTT để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra trong mùa mưa bão năm 2017.

8. Căn cứ vào từng địa bàn, lĩnh vực để tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 3305/QĐ- UBND ngày 21/10/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020, đặc biệt là lồng ghép chương trình phòng chống và giảm nhẹ thiên tai với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, ngành, đảm bảo phát triển bền vững với phương châm: *"Một công trình kinh tế - xã hội phải góp phần phòng chống thiên tai, một công trình phòng chống thiên tai phải góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và tất cả các công trình đều phải an toàn trước tác động của thiên tai"*.

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo đánh giá hiện trạng công trình đê điều trước lũ và xây dựng phương án bảo vệ trọng điểm năm 2017 như nêu trên./

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NN.



Lê Xuân Dương

**BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MẶT ĐỀ TRƯỚC LỬ 2017
CÁC TUYẾN ĐỀ ĐỊA PHƯƠNG (ĐỀ DƯỚI CẤP III), HUYỆN TRIỆU SƠN**

Phục lục 2B

TT	Tuyến đề/ vị trí Km-Km	Chiều dài (m)	Thuộc xã	Mặt đề đã được gia cố rõ bề rộng mặt, hiện trạng mặt đề đã được gia cố)			(ghi chú)
				Bê tông	Nhựa	Cấp phối	
I	2	3	4	5	6	7	8
Đề tả sông Nhom							
1	Ko-K1+500	1.500	Thọ Tân				Chưa được gia cố
2	K1+500-K3+666	2.166	Minh Sơn				Chưa được gia cố
3	K3+366-K4+425	759	Minh Sơn				Chưa được gia cố
4	K4+425-K6+944	2.519	An Nông			500 m	2019 m chưa được gia cố
5	K6+944-K8+904	1.960	Vân Sơn				Chưa được gia cố
6	K8+904-K13+694	4.790	Thái Hòa	Dài 950 m, rộng 3,5 m			3840m chưa được gia cố
7	K13+694-K17+723	4.025	Tân Ninh				Chưa được gia cố
Đề hữu sông Nhom							
1	Ko-Ko+500	500	Thọ Tiến				Chưa được gia cố
2	Ko+500-K2+60	1.560	Xuân Thọ				Chưa được gia cố
3	K2+60-K3+803	1.743	Xuân Thọ				Chưa được gia cố
4	K3+808-K7+785	3.977	Hợp Thắng				Chưa được gia cố
5	K7+785-K9+692	1.907	An Nông				Chưa được gia cố
6	K9+692-K12+119	2.427	Vân Sơn	Dài 500 m, rộng 3,5m		Dài 1200 m, rộng 4m	727 m chưa gia cố
7	K12+119-K16+934	4.815	Thái Hòa				Chưa được gia cố
8	K16+934-K19+818	2.884	Tân Ninh				Chưa được gia cố
Đề tả sông Hoàng							
1	Ko-Ko+763	763	Xuân Lộc				Chưa được gia cố
2	Ko+763-K1+200	437	Xuân Lộc				Chưa được gia cố
3	K1+200-K3+200	2.000	Xuân Thịnh				Chưa được gia cố
4	K3+200-K5+515	2.315	Dân Quyền				Chưa được gia cố
5	K5+515-K7+655	2.140	Dân Quyền				Chưa được gia cố
6	K7+655-K9+705	2.050	Đồng Tiến	Bê tông năm 2013; B = 3,5m			
7	K9+705-K10+415	710	Đồng Tiến				Chưa được gia cố
8	K10+415-K11+299	884	Đồng Thắng				Chưa được gia cố
9	K11+299-K13+340	2.041	Đồng Thắng	Bê tông năm 2014; B = 3,5m			
10	K13+340-K15+697	2.357	Đồng Thắng				
Đề hữu sông Hoàng							
1	Ko-K1+100	1.100	Thọ Ngọc			B=4m	nt
2	K1+100-K1+770	670	Thọ Ngọc			B=4m	nt
3	K1+770-K2+221	451	Thọ Ngọc			B=4m	nt
4	K2+221-K4+808	2.587	Thọ Ngọc			B=4m	nt
5	K4+808-K5+608	800	Xuân Lộc				nt

6	K5+608-K9+608	4.000	Dân Quyền	Bê tông năm 2005, mặt rộng 3m			
7	K9+608-K13+508	3.900	Dân Lý	Bê tông năm 2007, dài 2km, mặt rộng 3m			nt
8	K13+508-K15+808	2.300	Tiến Nông			B = 4m	
9	K15+808-K17+508	1.700	Khuyến Nông			B = 4m	
10	K17+508-K19+608	2.100	Đồng Tiến				Chưa được gia cố
11	K19+608-K21+808	2.200	Đồng Thắng				Chưa được gia cố
12	K21+808-K26+208	4.400	Đồng Lợi				Chưa được gia cố
13	K26+208-K28+308	2.100	Tân Ninh				Chưa được gia cố

BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KÈ TRƯỚC LŨ 2017
CÁC TUYẾN ĐỀ ĐỊA PHƯƠNG (ĐỀ DƯỚI CẤP III), HUYỆN TRIỆU SƠN

Phục lục 3B

TT	Tên tuyến/Tên kè	Vị trí đề sạt sông (Km-Km)	Chiều dài kè Km-Km	Năm xây dựng	Chỉ tiêu KT kè lát mái					Kết cấu	Hiện trạng (nếu rõ kè nào đang bị hư hỏng, nêu rõ hiện trạng, nguyên nhân; dự kiến sự cố xảy ra)
					CT đĩnh	m kè	CT cơ	B cơ	m cơ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Đê sông Nhom										
1	Kè đê hữu công Thái Yên, xã Thái Hòa	K3+241-K3+420	179	2013	5,61	2	-0,31	1		Đá học xây mái 100	Đã hư hỏng
2	Kè đê tả sông Nhom Thái Yên, xã Thái Hòa	K12+100-K12+728	528	2003	5,2	2				Kè đá	Bị tụt chân kè
3	Kè đê tả sông Nhom từ cầu át - cầu Đĩnh	K1+621,4-K2+390,94	769,54	2013	5,29	2	-0,63	1		Đá xây	ổn định
4	Kè đê hữu sông Nhom hạ lưu cầu Đĩnh	K2+361,78-K2+587,9	226,14	2013	4,79	2	-0,71	1		Đá xây	ổn định
5	Kè đê hữu sông Nhom từ cầu Át - cầu Đĩnh	K1+628,02- K2+335,62	707,6	2013	5,22	2	-0,7	1		Đá xây	ổn định
6	Kè đê tả sông Nhom, xã Tân Ninh (cầu Chứa)	K16+650-K16+757	107	2000	6,25					Kè đá	ổn định
II	Đê sông Hoàng										
1	Kè đê tả sông Hoàng, xã dân Quyền	K4+445 -K4+695	250	2015	7,2	2				Cấu kiện bê tông đúc sẵn	ổn định
2	Kè đê hữu sông Hoàng, xã Đông Tiến	K18+221-K18+386	165	2013	7		-0,3			Kè đá	ổn định
3	Đê tả sông Hoàng xã Đông Tiến	K7+660	125	2002	3,2					Kè đá	ổn định
4	Đê tả sông Hoàng xã Đông Tiến	K8+300	185	2001	3,2					Kè đá	ổn định
5	Đê tả sông Hoàng xã Đông Tiến	K10+415	92	2006	3,2					Kè đá	ổn định
6	Đê tả sông Hoàng, xã Đông Thăng	K10+650-K10+752	102	2006	3,2					Kè đá	ổn định
7	Đê tả sông Hoàng, xã Đông Thăng	K12+52 -K12+152	100	2013	4,4	2				Kè đá	ổn định
8	Đê hữu sông Hoàng, xã Đông Thăng	K19+900-K20	100	2015	5,2	2				Kè đá	ổn định
9	Đê hữu sông Hoàng, xã Đông Thăng	K20+200-K20+450	250	2015	5,5	2				Cấu kiện bê tông đúc sẵn	ổn định

**BIỂU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG DƯỚI ĐÊ TRƯỚC LỬ 2017
CÁC TUYÊN ĐÊ ĐỊA PHƯƠNG (ĐÊ DƯỚI CẤP III), HUYỆN TRIỆU SƠN**

Phục lục 4B

TT	Tuyên đê/Tên công	Vị trí Kìm	Thuộc thôn, xã	Năm XD	Nhiệm vụ công	Hình thức công	K. thước (LxBxh)	Số cửa công	Cao trình đáy công	Cao trình đỉnh đê	H. thức đóng mở	Kết cấu	Hiện trạng công	Giải pháp kỹ thuật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Đê hữu sông Hoàng													
1	Công Đá (Ngọc Thứ 1)	Kot+70		2000	120	BTCT	20x1,0x1,2	IV3	6.5	12,2	Quay tay	BTCT	Tốt	
2	Ông Xuyên (Ngọc Thứ 2)	K1		1994	150	BTCT	25x1,5x1x7	IV3			Quay tay	BTCT	Lùng mang	
3	Dọc Chùa	K1+960		2011	170	BTCT	11,25x1x1,2	1	5.4	10,44	Quay tay	BTCT	Tốt	
4	Khu Quán	K3+690		2011	70	BTCT	16x1x1,2	1	5.4	10,36	Quay tay	BTCT	Tốt	
5	Khu Hét	K1+604		2011	50	BTCT	17,2x1x1,2	1	5.5	10,47	Quay tay	BTCT	Tốt	
6	Tiền Thôn	K4+783		2011	60	BTCT	17,2x1x1,2	1	5.2	10,36	Quay tay	BTCT	Tốt	
7	Ao Bông	K2+719		2011	70	BTCT	17,2x1x1,2	1	5.4	10,36	Quay tay	BTCT	Tốt	
8	Bản Đam	K3+91,5		2011	40	BTCT	16,92x1,2x1,4	1	5.5	10,36	Quay tay	BTCT	Tốt	
9	Nô Cận						0,4 x0,6 x12	1				BTCT	Không có cánh cửa, lùng mang	
10	Ao Mãn						0,6x1x12	1				BTCT	Hồng nặng	
11	Lái Hải	K4+200		1989	40	BTGĐX	8 x f 0,6	1				BTGĐX	Không có cửa, lùng mang	Xử lý lùng mang và lấp cửa
12	Đồng Khua			2002	350	BTCT	10x1,1x1,2	IV3			Quay tay	BTCT	Lùng mang, mắt ốc	Xử lý đắp lùng mang
13	Cổng Cầu Thùng						1,2x1x6	1					Đã được sửa chữa năm 2006	Kiểm tra theo dõi
14	Cổng Nhữ						1,2x1x6	1					Đã được sửa chữa năm 2006	Kiểm tra theo dõi
15	Xóm 8	K5+500		1987	80	GĐX	12x1,2x1,2	1				GĐX	Lùng mang	Xử lý đắp lùng mang
16	Áp Cẩm			1975	300	BTGĐX	50x1,5x1,8	IV3			Quay tay	BTGĐX	Tốt	
17	Bồ Hà			1980	350	BTGĐX	20x1,5x1,8	IV3			Quay tay	BTGĐX	Tốt	
18	Sơn Cương			2011	300	BTCT	13x1,5x1,8	2V3	2,6	6,4	Quay tay	BTCT	Tốt	
19	Bản Thiện	K11+863		2009	750	BTCT	25x1,5x1,9	3V3	1,2	6,3	Quay tay	BTCT	Xây mới 2009 tốt	
Ngoài công Bản thiện, trên tuyến đê hữu Sông Hoàng thuộc xã Dân Lý còn 13 công nhỏ ϕ 50 không có cửa công xã có kế hoạch tu sửa các công nhỏ														
20	Vện	K15+138	Tiền Nông	1975	150	GĐX	25x1,5x1,8	2V3				GĐX	Lùng mang, bồi lấp	Có kế hoạch nâng cấp trong dự án đê hữu sông Hoàng từ Dân Lý đi Đồng Thảng
21	Nô Thùng			1995	50	Ống cống	8x1,0x1,0	1				ống cống	Không có cửa, lùng mang, khẩu độ nhỏ	nt
22	Đa Tân	K16+00	Khuyến Nông	1975	150	GĐX	16x1,5x1,8	IV3	1,9	6,3		GĐX	Lùng mang, hoàng đáy, hoàng cánh cửa	nt

23	TB Hợp Nhất			1985	60	GĐX	12x1,1x1,3	1	1,74	6	Quay tay	GĐX	Không có cửa	nt
24	Đồng Đoài			1997	200	BTCT	15x1,5x1,5	1V3	1,74		Quay tay	BTCT	Bộ phận đóng mở kém	nt
Ngoài hai công trên để hữu sông Hoàng thuộc địa phận xã Khuuyển Nông còn 4 công nhỏ φ 60 xã có kế hoạch tu sửa														
25	Trúc Chuẩn 1		Đồng Tiến	1980	50	GĐX	10x1,0x1,0	1		5,2		GĐX	Không có cửa	nt
26	Trúc Chuẩn 2	K18+500		1989	180	GĐX	20x1,5x1,8	2V3	0,94	5,2	Quay tay	GĐX	Xây lại công mới thay thế công cũ năm 2008	nt
27	Xóm 8			1980	40	GĐX	8x0,6x0,6	1				GĐX	Không có cửa	nt
28	Xóm 9		Đồng Thắng	1985	50	GĐX	10x0,8x0,8	1				GĐX	Không có cửa	nt
29	Công Động	K21+600					0,7x0,7x8	1				GĐX	Không có cửa	nt
II Đề tá sông Hoàng														
1	Công Cầu Máng 1	Ko+530	Xuân Lộc				1x1,2x8	1					Không có cửa	Xử lý lấp cửa
2	Công Cầu Máng 2						1x1,2x8	1					Không có cửa	Xử lý lấp cửa
3	Hố Lao	K1+500		1980		BTGĐX	8 x φ 10	1				BTGĐX	Hồng cửa công	Xử lý lấp cửa
4	Đập Tràn			1980		BTGĐX	9 x f 0,5	2				BTGĐX	Cổng xây từ lâu, kém chất lượng, không có cửa, lũng đáy	Có kế hoạch sửa lại
5	Thôn 3		Xuân Thịnh	1980		BTGĐX	9,5 x f 0,5	3				BTGĐX	Cổng xây từ lâu, kém chất lượng, không có cửa, lũng đáy	Có kế hoạch sửa lại
6	Thôn 8			1980		BTGĐX	9,5 x f 0,5	2				BTGĐX	Cổng xây từ lâu, kém chất lượng, không có cửa, lũng đáy	Có kế hoạch sửa lại
7	Đồng Kha			1996	120	BTCT	25x1,5x1,8	1V3			Quay tay	BTCT	Bị hỏng tiêu năng, lũng mang	Xử lý phân tiêu năng
8	Đồng Bớt			1982			17x1,2x1,5	1					Hồng sân sau	Xử lý tiêu năng
9	Đồng Mắm		Dân Quyền	1999	150	BTCT	20x1,5x1,8	1V3			Quay tay	BTCT	Tốt	Xử lý lấp cửa
10	Đồng Xá 1	K8+00		1985	50	GĐX	12x1,0x1,0	1		4,75		GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
11	Đồng Xá 2			2001	110	GĐX	22x0,8x0,8	1		4,75		GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
12	Lò Voi		Đồng Tiến	1980	280	BTGĐX	20x1,5x1,8	2V3		4,75		BTGĐX	Bình thường	Xử lý lấp cửa
13	TBom B4/10			1980	70	GĐX	12x0,8x0,8	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
14	Xóm 7			1980	40	GĐX	12x0,8x0,8	1				GĐX	Không có cửa, hỏng nặng ở vị trí đề yếu	Xử lý lấp cửa
15	Công đồng lũy			2006	150	GĐX	1,2x1x8	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
16	Ông Đôn		Đồng Thắng	2003	300	BTCT	15x1,4x1,6	1V3	0,3		Quay tay	BTCT	Tốt	Xử lý lấp cửa
17	Hang Trầu			1999	350	BTCT	20x1,5x1,6	2V3		4,7	Quay tay	BTCT	Tốt	Xử lý lấp cửa
18	Công TB Hang Trầu			2011	500	BTCT	12x1,5x1,8	1V3			Quay tay	BTCT	Tốt	Xử lý lấp cửa
III Đề Nổ Hén														
1	Cô Sơm			1985	60	GĐX	10x0,8x0,8	1				GĐX	Không có cửa, ngắn, lũng mang	Xử lý lũng mang và lấp cửa
2	TB Thọ lộc		Đồng Lợi	1981	250	BTGĐX	10x1,5x1,5	1V3			Quay tay	BTGĐX	Tốt	Xử lý lấp cửa
3	Đa Đồi			1980	60	GĐX	12x1,2x1,2	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
4	Cầu Nổ Hén			1986	30	GĐX	10x1,0x1,0	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
5	Núi Trạc (TB)			1985	250	BTGĐX	12x1,5x1,5	1V3			Quay tay	BTGĐX	Tốt	Xử lý lấp cửa
6	Nổ Hén dưới		Tân Ninh	1986	50	GĐX	8x1,0x1,0	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
7	Trên cầu Nổ hén			1986	60	GĐX	8x1,0x1,0	1				GĐX	Không có cửa	Xử lý lấp cửa
IV Đề tá Sông Nhom														
1	Đồng Quai	Ko+400	Thọ Tân	1970	400	BTGĐX	18x1,5x1,4	2V3	4,47	5,87	Quay tay	BTGĐX	Đã sửa lại năm 2004 tốt	Xử lý lấp cửa
2	Đuôi C5/6			1980	100	Ông công	Cổng φ 60				Quay tay	Ông công	Xây dựng 2009 tốt	Xử lý lấp cửa
3	Công núi Rùa					Ông công	φ 50x12				Quay tay	Ông công	Xây dựng 2009 tốt	Xử lý lấp cửa
4	Hoàng Đồng 1	K2+600		1997	150	BTGĐX	16x1,5x1,8	1V2			Quay tay	BTGĐX	Tốt	Xử lý lấp cửa

5	Hoàng Đồng 2		Minh Sơn	1970	150	GĐX	9x0,8x1,0	1										Cống ngăn, không có cửa	Đề nghị nhà nước cho lắp lại
6	Ninh Phong			1980	300	BTGĐX	25x1,5x1,8	2V3	3,91	5,61	Quay tay							Bộ phận đóng mở kém chất lượng	Đề nghị nhà nước cho sửa chữa
Ngoài ra, trên đê tả sông Nhom thuộc địa phận xã Minh Sơn còn có 4 cống tiêu ϕ từ 0,5-:-0,8 xã có kế hoạch kiểm tra sửa chữa																			
7	Đồng Lốc	K6+600	An Nông	1980	200	BTGĐX	Cống ϕ 70	1V2			Quay tay							Cống ngăn, khẩu độ nhỏ, cửa hỏng	Đề nghị nhà nước cho làm lại
8	Nổ nước	K8+700	Vân Sơn	1985	100	GĐX	12x0,8x1,2	1										Không có cửa, chất lượng kém, lũng đáy, lũng mang	Xử lý lũng mang và lấp cửa
V Đề hửu Sông Nhom																			
1	Lai Vi			1975	500	BTCTGĐX	25x1,5x1,8	3V3			Quay tay							Thủy nông quản lý, cống hoạt động bình thường	
2	Cống xóm 1	K1+318	Xuân Thọ	1975		ống tên lửa	1x1x8	1	7,19	8,04	Quay tay							Đã sửa chữa năm 2008	
3	Cống 33			1970	60	GĐX	8x1,2x1,2	1										Không có cửa	Xử lý lấp cửa
4	TB Tam Lạc			1983	250	BTGĐX	20x1,5x1,8	1V3										Bê tiêu nắng bị hoàng	Xử lý lấp cửa
5	Phù Thôn	K4+800		1979	120	GĐX	12x1,0x1,0	1										Không có cửa	Xử lý lấp cửa
6	Đồng Chiêm			1980	80	GĐX	10x1,0x1,0	1										Không có cửa	Xử lý lấp cửa
7	Dọc Chùa		Hợp	1980	40	GĐX	8 x 0,6	1										Không có cửa	Xử lý lấp cửa
8	Đập Phu			1990		GĐX	10 x 0,8	1										Không có cửa	Xử lý lấp cửa
9	Cống Vực bư	K13+743		2004	300	BT	ống cống 60	1V2										Khẩu độ cống nhỏ	
Ngoài ra dưới đê thuộc địa phận xã Vân Sơn còn có 3 cống tiêu ϕ 0,6-1m, xã có phương án bảo vệ																			
10	Cầu Đình	K18+543	Thái Hoà	1992	180	BTCT	20x1,2x1,5	1V3										Lũng đáy, lũng mang đã sửa năm 2001	Xử lý lũng mang
11	Làng Giáp	K19+700		1992	300	BTCT	254x2,0x2,0	2TD										Cống tụt, hạ lưu bị sạt mái bảo vệ	Xử lý phần thượng lưu cống
Ngoài ra dưới đê thuộc địa phận Thái Hòa còn 3 cống tiêu nhỏ ϕ 0,2-:-0,6, xã có phương án bảo vệ																			
12	Nghè		Tân Ninh	1990	120	BTGĐX	15x1,2x1,5	1V2										Lũng mang, lũng đáy	Xử lý lũng mang, lũng đáy

**THÔNG KÊ NHỮNG ĐOẠN ĐÈ SẮT SÔNG CHƯA CÓ KÈ BẢO VỆ TRƯỚC LŨ 2017
CÁC TUYẾN ĐÈ ĐỊA PHƯƠNG (ĐÈ DƯỚI CẤP III), HUYỆN TRIỆU SƠN**

Phục lục 5B

TT	Tuyến đê	Vị trí đê sắt sông chưa có kè(Km - Km)	Thuộc thôn, xã	Mặt cắt đê đại diện								Quát trình diễn biến và hiện trạng đê sắt sông	
				Cao trình đỉnh đê	Chiều rộng mặt đê	Cao độ chân đê		Hệ số mái đê		Đoạn đê có cơ			
				Phía sông	Phía đồng	Phía sông	Phía đồng	Phía sông	Phía đồng	Vị trí Km - Km	Cao trình đỉnh	Chiều rộng mặt	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đê tả sông Nhom												
1	Sạt mái sông	K6+00	An Nóng		3	1,5	4		2				Dòng chảy sắt sông
2	Sạt mái sông	K6+400	An Nóng	8,7	3	1,5	4		2				Dòng chảy sắt sông
3	Sạt mái sông	K8+950	Vân Sơn	8,3	3	1,5	5,5		2				Dòng chảy sắt sông
4	Sạt mái sông	K11+085 -K11+300	Thái Hòa	7,4	2	1,5	3,5		2				Dòng chảy sắt sông
5	Sạt mái sông	K16+600	Tân Ninh (hạ lưu cầu Chứa)	5,7	2	-1,2	1,7		1,5				Dòng chảy sắt sông
II	Đê hữu sông Nhom												
I	Sạt mái Sông	K11+250	Thái Hòa (giáp Vân Sơn)	6	2				1,5				Dòng chảy sắt sông

**BIỂU THỐNG KÊ NHỮNG ĐOẠN ĐÈ ĐÃ XÂY RA SỰ CÓ HỮU HONG TRƯỚC LŨ 2017
CÁC TUYẾN ĐÈ ĐỊA PHƯƠNG (ĐÈ DƯỚI CẤP III), HUYỆN TRIỆU SON**

Phụ lục 6B

TT	Tuyến đê/vị trí (Km - Km)	Thuộc thôn, xã	Thời gian xuất hiện	Vị trí xuất hiện (ở mặt đê, mái đê hoặc chân: ở phía sông hay phía đồng)	P. sông hay P.đồng	MN sông lúc sự cố	Địa chất nền, thân đê	Mặt cắt ngang đê tại điểm sự cố					Quá trình diễn biến mức độ sự cố đã xảy ra	Biện pháp đã sử lý tình trạng hiện nay	
								V đê	B mặt đê	V đỉnh cơ	B cơ	Ms			Mđ
I	Đê tả sông Hoàng														
I	Sạt mái sông K4+445 - K4+645	Dân Quyền	2005	2	Sông				2		1,5	sát sông	4		Đắp áp trúc phía đồng
II	Đê tả sông Nhom														
I	Sạt mái sông K6+00	An Nông	2005	2	Sông				3		2	sát sông			Đắp áp trúc phía đồng
2	Sạt mái sông K6+400	An Nông	2005	1	Sông				3		2	sát sông	3,5		Đắp áp trúc phía đồng
3	Sạt mái sông K8+950	Vân Sơn	2006	3	Sông				3		2	sát sông	3		Đắp áp trúc phía đồng
4	Sạt mái sông K11+085-K11+300	Thái Hòa	2002	2	Sông				2		2	sát sông	3		Đắp áp trúc phía đồng
5	Sạt mái sông K16+600	Tân Ninh	2000	2	Sông				2		1,5	sát sông	4		Đắp áp trúc phía đồng
III	Đê hữu sông Nho														
I	Sạt mái sông K17+350	Thái Hòa		1	Sông				2		1,5	sát sông	3		Đắp áp trúc phía đồng